

Bản án số: 113/2023/HS-ST
Ngày: 29 – 05 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyên Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Phi Hồng
- Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 05 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/TLST-HS ngày 04 tháng 05 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 05 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Thái Đ, sinh năm 1993, tại tỉnh Khánh Hòa, nơi cư trú: H, phường C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái M, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thanh M1, sinh năm 1964; vợ Đặng Thị Cẩm G, sinh năm 1994, và 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021); tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2023 đến ngày 15/02/2023 được tại ngoại điều tra.

2. Thái H1, sinh năm 1999, tại tỉnh Khánh Hòa, nơi cư trú: Thôn V, xã Cam A, huyện C2, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái M, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thanh M1, sinh năm 1964; Vợ Trần Thị Hồng P, sinh năm 1995, chưa có con; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2023 đến ngày 15/02/2023 được tại ngoại điều tra.

Người bị hại: Công ty D, địa chỉ Khu công nghiệp N 6, huyện N tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Xuân T, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Đ, Thái H1 và Khuru Minh K đều là nhân viên của Công ty D (gọi tắt là Công ty D) thuộc Khu công nghiệp N 6, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 04/02/2023, Thái Đ rủ Khuru Minh K đến bộ phận bảo trì lấy trộm dây điện đồng để bán lấy tiền tiêu xài, K đồng ý. Sau đó Đ và K đến bộ phận bảo trì và phát hiện không có người nên đi đến kệ thứ 3 từ dưới lên để tìm kiếm dây điện đồng. Đ leo lên kệ lấy 02 cuộn dây điện, gồm: 01 cuộn dây điện dài khoảng 15 mét (loại CV 16C * 4) có dây bọc bên ngoài màu đen, bên trong là lõi đồng và 01 cuộn dây điện dài khoảng 30 mét (loại CXV 16C * 4) có dây bọc bên ngoài màu đen, bên trong là lõi đồng ném xuống nền nhà. Lúc này K nhận thức việc lấy trộm tài sản của Công ty là vi phạm pháp luật nên không muốn tham gia trộm cắp nữa. Đ nói K bê cuộn dây điện lớn ném qua hàng rào thì K không đồng ý với lý do cuộn dây điện to, nặng và Công ty có gắn camera sợ bị phát hiện nên K bỏ đi, không tham gia cùng Đ nữa.

Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 04/02/2023, Đ gọi điện thoại cho em trai ruột là Thái H1 (đang làm việc ở bộ phận nhuộm tại xưởng nhuộm của Công ty D) và rủ H1 đến khu vực kệ để dụng cụ bảo trì rồi cùng nhau đưa 02 cuộn dây cáp điện mà Đ đã lấy xuống để đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài, thì H1 đồng ý. H1 liền đến khu bảo trì cùng với Đ dùng tay khiêng 02 cuộn dây điện vừa lấy được đến vách tường bộ phận lò hơi giáp đường số 4 thuộc KCN N 6 và ném 02 cuộn dây cáp điện đó qua bên ngoài hàng rào công ty, sau đó tiếp tục vào làm việc. Đến 06 giờ 00 cùng ngày khi tan ca làm, Đ lấy xe máy Yamaha Exciter màu đen, xanh biển số 79Z1-575.79 của H1 chở theo H1 cùng 02 cuộn dây điện lấy trộm được đến cửa hàng phế liệu do Trần Xuân T bán 02 cuộn dây điện đồng, có tổng trọng lượng 35 kg với số tiền 4.200.000 đồng. Đ giữ lại 2.200.000 đồng và chia cho H1 2.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2023, đại diện của Công ty D là bà Huỳnh Thị N1 đến Đoàn Công an Khu công nghiệp 6, huyện N, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc Công ty D bị mất trộm tài sản là cuộn dây cáp điện trị giá 12.379.500 đồng. Đến khoảng 11 giờ 00 ngày 06/02/2023 Thái Đ biết Công ty D đã trình báo vụ việc mất trộm tài sản nên đến Công an Đoàn KCN N 6, huyện N, đầu thú và khai nhận sự việc như trên. Đến ngày 10/02/2023, H1 biết Đ đã bị Công an bắt giữ nên cũng đến Cơ quan Công an đầu thú. Công an Đoàn Khu công nghiệp lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi làm việc với Cơ quan Công an, Trần Xuân T mới biết số dây điện đồng đã mua của Đ và H1 vào ngày 04/02/2023 là do Đ và H1 lấy trộm của Công ty D nên xin giao nộp lại 35 kg dây cáp điện.

Vật chứng thu giữ: 34 kg dây cáp điện (có cả vỏ và lõi đồng) do Trần Xuân T giao nộp; 01 xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, xanh biển số 79Z1-575.79 của Thái H1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG-HĐĐG ngày 10/02/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N xác định: 15 mét dây điện loại CV 16C * 4; 30 mét dây điện loại CXV 4C * 25, tổng trọng lượng 35 kg, có tổng giá trị tài sản định giá là 11.141.550 đồng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Thái Đ và Thái H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các bị can phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội Đ và H1 tự nguyện đến Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 104/CT.VKS-NT ngày 20/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Thái Đ và Thái H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1; 2 Điều 51; 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Thái Đ từ 10 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thái H1 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện N:

- Về xử lý vật chứng:

+ 15 mét dây điện loại CV 16C*4 và 30 mét dây điện loại CXV 4C * 25, tổng trọng lượng 35 kg (do Trần Xuân T tự nguyện giao nộp) Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty D.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, xanh biển số 79Z1-575.79 của Thái H1 là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty D đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo Thái Đ và Thái H1 không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc KH1 nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Thái Đ (sinh năm 1993) và Thái H1 (sinh năm 1999) có đủ năng lực trách nhiệm hình sự thừa nhận:

Vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 04/02/2023, Thái Đ rủ Khưu Minh K đến bộ phận bảo trì Công ty TNHH D lấy trộm dây điện đồng để bán lấy tiền tiêu xài, K đồng ý. Lợi dụng không có người nên đi đến kệ thứ 3 lên lút leo lên kệ lấy 02 cuộn dây điện, gồm: 01 cuộn dây điện dài khoảng 15m (loại CV 16C * 4) có dây bọc bên ngoài màu đen, bên trong là lõi đồng và 01 cuộn dây điện dài khoảng 30m (loại CXV 16C * 4) có dây bọc bên ngoài màu đen, bên trong là lõi đồng ném xuống nền nhà. Lúc này K nhận thức việc lấy trộm tài sản của Công ty là vi phạm pháp luật nên không muốn tham gia trộm cắp nữa rồi bỏ đi.

Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 04/02/2023, Đ gọi điện thoại cho em ruột là Thái H1 rủ H1 lấy số dây định trên đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài, H1 đồng ý. H1, Đ dùng tay khiêng 02 cuộn dây điện vừa lấy được ra bên ngoài hàng rào công ty, sau đó lấy xe máy biển số 79Z1-575.79 của H1 chở 02 cuộn dây điện đồng nặng 35 kg vừa lấy trộm bán cho anh Trần Xuân T với số tiền 4.200.000 đồng. Đ giữ lại 2.200.000 đồng và chia cho H1 2.000.000 đồng.

Lời thừa nhận của bị cáo Thái Đ và Thái H1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai người làm chứng; người bị hại và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Cho thấy bị cáo Thái Đ và Thái H1 đã có hành vi lên lút trộm cắp 15 mét dây điện loại CV 16C * 4; 30m dây điện loại CXV 4C * 25 có tổng trọng lượng 35 kg, Theo kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG-HĐĐG ngày 10/02/2023 có tổng giá trị là 11.141.550 đồng (có giá trị từ 2.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và hành vi phạm tội của bị cáo Đ và H1 đã được thực hiện xong.

Nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Thái Đ và Thái H1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Do đó, cáo trạng số 104/CT.VKS-NT ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Thái Đ và Thái H1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do Thái Đ và Thái H1 thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Thể hiện tH1 ý thức chấp hành pháp luật, nên cần xét xử nghiêm.

Xét vai trò của các bị cáo: Vụ án thuộc đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người rủ rê, khi được rủ bị cáo H1 đồng ý ngay, giữ vai trò giúp sức, tích cực cùng với bị cáo Đ mang tài sản ra khỏi Công ty đi bán, nên cần cần được xét xử nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo nhất thời phạm tội; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện đầu thú; tài sản đã thu hồi trả cho chủ sở hữu. Do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1; 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự, nhằm cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt, hiện có nơi cư trú rõ ràng và việc làm ổn định, trong thời gian tại ngoại chấp hành đúng chính sách, pháp luật không có vi phạm gì, thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe và giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội, để thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự.

Xét lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[4]. Về vật chứng:

- 15 mét dây điện loại CV 16C*4; 30m dây điện loại CXV 4C*25, tổng trọng lượng 35 kg các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH D cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là thỏa đáng.

- 01 Xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, xanh biển số 79Z1-575.79 của Thái H1, bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là phương tiện mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Đối với Trần Xuân T là chủ cửa hàng thu mua phế liệu, do không biết 35 kg dây cáp điện là tài sản do Đ và H1 trộm cắp mà có và tự nguyện giao nộp lại 35 kg dây cáp điện đã mua của Đ và H1 vào ngày 04/02/2023 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là có căn cứ.

Đối với Khưu Minh K, tuy đồng ý tham gia cùng Thái Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng khi đang thực hiện việc trộm cắp, thì K nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên K đã bỏ đi mà không tham gia trộm cắp cùng Đ nữa. Do K đã tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng tuy không có gì ngăn cản nên thuộc trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội và được miễn trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 16 Bộ luật hình sự là đúng với quy định pháp luật.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Thái Đ và Thái H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1; 2 Điều 51; 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Thái Đ và Thái H1 phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Thái Đ 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, Thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Thái H1 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, Thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt.

Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu 01 Xe mô tô Yamaha Exciter màu đen, xanh biển số 79Z1-575.79 của bị cáo Thái H1 sung quỹ nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Thái Đ và Thái H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TA tỉnh
- VKS, THA, CA
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP

Trần Nguyên Vũ